

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Khí cụ điện (22829403)

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-08

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Đoàn thi:
Chu Thị Mai Mỹ Nhung

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330023	Trương Thu An	01/04/2006	CCQ2433A			0.0			
2	2124330043	Nguyễn Hải Bằng	14/04/2006	CCQ2433B		Bằng	7.4	6.9	7.1	
3	2124330012	Dương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A		Bảo	8.0	5.6	6.6	
4	2124330016	Trần Phước Bảo	06/09/2006	CCQ2433A			0.0			
5	2122050151	Lê Quý Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		Cầu	6.3	6.0	6.1	
6	2124330024	Lê Hữu Chiến	15/09/2006	CCQ2433A			0.0			
7	2124330070	Trần Văn Công	28/04/2006	CCQ2433B		Công	7.4	4.9	5.9	
8	2124330060	Nguyễn Chí Đạt	08/02/2005	CCQ2433B		Đạt	8.4	6.9	7.5	
9	2124330059	Phạm Anh Đạt	08/05/2006	CCQ2433B		Đạt	8.1	7.1	7.5	
10	2124330062	Võ Đăng Thành Đạt	08/03/2002	CCQ2433B		Đạt	9.4	5.4	7.0	
11	2124330029	Phan Thành Diễm	20/09/2006	CCQ2433A			0.0			
12	2124330013	Nguyễn Phúc Đình	12/03/2006	CCQ2433A			0.0			
13	2124330039	Nguyễn Duy Đức	19/09/2004	CCQ2433A		Đức	6.4	5.6	5.9	
14	2124330096	Tô Tiến Dũng	25/09/2005	CCQ2433A			0.0			
15	2124330031	Phạm Hùng Khánh Duy	26/05/2006	CCQ2433A		Duy	8.1	3.9	5.6	
16	2124330021	Phạm Khánh Duy	09/03/2006	CCQ2433A			0.0			
17	2124330053	Võ Nhật Quang Hải	24/01/2006	CCQ2433B		Hải	8.1	4.9	6.2	
18	2124330018	Phạm Thế Hào	07/07/2006	CCQ2433A		Hào	8.3	6.3	7.1	
19	2124330045	Võ Minh Hiền	23/06/2006	CCQ2433B		Hiền	8.0	4.1	5.7	
20	2124330038	Lê Văn Hiếu	11/09/2005	CCQ2433A		Hiếu	6.7	4.9	5.6	
21	2124330040	Nguyễn Quang Hiếu	08/12/2006	CCQ2433A		Hiếu	8.1	6.1	6.9	
22	2124330046	Phạm Ngọc Hóa	24/04/2003	CCQ2433B		Hóa	7.7	7.1	7.3	
23	2124330102	Lê Việt Hoàng	10/03/2006	CCQ2433B		Hoàng	7.7	6.4	6.9	
24	2124330020	Khổng Vũ Tiến Hưng	27/11/2005	CCQ2433A		Hưng	7.6	5.6	6.4	
25	2124330049	Chu Gia Huy	25/01/2006	CCQ2433B		Huy	8.7	5.9	7.0	
26	2124330035	Lê Quốc Huy	29/06/2006	CCQ2433A		Huy	9.0	6.9	7.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Khí cụ điện (22829403)

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-09

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330071	Nguyễn Văn Gia	Huy	18/12/2006	CCQ2433B	<i>far</i>	6.5	7.3	7.0	
2	2124330048	Trương Đan	Huy	06/11/2005	CCQ2433B		6.6			
3	2124330072	Đỗ Hoàng	Khánh	26/04/2005	CCQ2433B	<i>Khánh</i>	7.4	4.9	5.9	
4	2124330027	Nguyễn Văn	Khánh	12/12/2005	CCQ2433A	<i>Khánh</i>	8.4	5.1	6.4	
5	2124330067	Ngô Võ Xuân	Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	<i>Khôi</i>	8.7	7.3	7.9	
6	2124330044	Phan Huỳnh Lý	Kiệt	01/12/2006	CCQ2433B		0.0			
7	2124330025	Đào Tiến	Lâm	08/07/2005	CCQ2433A	<i>ly</i>	6.9	5.7	6.2	
8	2124330022	Lê Quốc	Long	03/01/2006	CCQ2433A	<i>Long</i>	7.1	4.4	5.5	
9	2122220028	Trần Huỳnh	Mãnh	19/08/2004	CCQ2205D	<i>Mãnh</i>	6.5	8.6	7.8	
10	2124330042	Trần Hoài	Nam	08/04/2006	CCQ2433A	<i>Nam</i>	5.7	6.3	6.1	
11	2124330026	Hồ Văn	Ninh	26/03/2006	CCQ2433A	<i>Ninh</i>	7.4	5.0	6.0	
12	2124330037	Nguyễn Tấn	Phong	01/02/2006	CCQ2433A	<i>Phong</i>	8.4	7.3	7.7	
13	2124330014	Hồ Minh	Phú	14/02/2006	CCQ2433A		0.0			
14	2124330080	Nông Hồng	Phúc	05/09/2006	CCQ2433A		0.0			
15	2124330028	Nguyễn Thanh	Quy	05/02/2006	CCQ2433A	<i>Quy</i>	7.7	6.7	7.1	
16	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu	Quý	16/06/2005	CCQ2433A	<i>Quý</i>	7.4	6.3	6.7	
17	2124330017	Nguyễn Quang	Quyền	19/12/2006	CCQ2433A	<i>Quyền</i>	6.1	5.0	5.4	
18	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C	<i>Quyền</i>	6.9	7.6	7.3	
19	2124330033	Lê Hoàng	Thắng	10/09/2006	CCQ2433A	<i>Thắng</i>	6.7	6.9	6.8	
20	2124330011	Nguyễn Văn	Thành	11/03/2004	CCQ2433A	<i>Thành</i>	8.0	3.6	5.4	
21	2124330015	Nguyễn Hoàng	Thống	18/02/2006	CCQ2433A	<i>Thống</i>	6.4	4.0	5.0	
22	2124330010	Nguyễn Thành	Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	<i>Toàn</i>	8.6	8.0	8.2	
23	2124330041	Nguyễn Xuân	Trường	08/09/2006	CCQ2433A	<i>Trường</i>	7.7	8.1	7.9	
24	2124330030	Châu Đạo Thiên	Tử	07/06/2006	CCQ2433A	<i>Tử</i>	6.4	5.9	6.1	
25	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	<i>Tuấn</i>	9.3	8.1	8.6	
26	2124330007	Nguyễn Mạnh	Tuấn	02/01/2004	CCQ2433A		0.0			